

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Thắng.

- Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2022 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1974; trú tại: Chợ cũ thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1972; trú tại: Chợ cũ thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu H với ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xóm 1, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T có người phụ

nữ khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc O sinh ngày 27/5/1997 và Nguyễn Duy H sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông với bà Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xóm 1, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng ông xác định chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, vợ ông cho rằng ông có người phụ nữ khác bên ngoài thì ông xác định là có nhưng có thể nào thì ông vẫn chăm lo cho gia đình, ông không muốn vợ chồng ly hôn ảnh hưởng tới con cái. Hiện nay vợ chồng ông vẫn sống cùng với nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc O sinh ngày 27/5/1997 và Nguyễn Duy H sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên

đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, xử cho bà H với ông T ly hôn; con chung đã thành niên nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà H với bị đơn ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H với ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xóm 1, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T có người phụ nữ khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H với ông T đã trầm trọng, kéo dài, ông T thừa nhận có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng ông T có mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H, nhưng ông T không có thiện chí cũng như biện pháp hòa giải để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà H, bà H với ông T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Bà H với ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc O

sinh ngày 27/5/1997 và Nguyễn Duy H sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H với ông T tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; bà H với ông T không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H với ông Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu H đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008516 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 53, quyển số 01);
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm